

Bản án số: 406/2020/DS-ST

Ngày: 11-11-2020

V/v tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan
2. Bà Phùng Khánh Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2020 và ngày 11 tháng 11 năm 2020 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 316/2013/TLST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2013 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 206/2020/QĐST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S – sinh năm 1965; Địa chỉ: đường K, Phường T, quận B, Tp. HCM (Có mặt)

Bị đơn: Bà Đoàn Thị H - sinh năm 1956; Địa chỉ: đường K, Phường C, quận B, Tp.HCM.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Bá C – sinh năm 1978 (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Ông Nguyễn Bá C – sinh năm 1978 (Có mặt)

2/Bà Dương Thị Ngọc L - sinh năm 1980 (Có mặt)

3/Trẻ Nguyễn Dương Hoàng Gia B – sinh năm 2009

4/Trẻ Nguyễn Dương Hoàng Bảo N – sinh năm 2013

Trẻ B và trẻ N do ông Nguyễn Bá C là người đại diện hợp pháp. (Có mặt)

5/ Bà Nguyễn Thị Tuyết H – sinh năm 1980

6/ Bà Nguyễn Thị Tuyết N – sinh năm 1983

7/ Ông Nguyễn Bá L – sinh năm 1988

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H, bà N và ông L : ông Nguyễn Bá C – sinh năm 1978 (có mặt)

8/ Bà Nguyễn Thị Ánh N – sinh năm 1986 (Có đơn xin vắng mặt)

9/ Bà Nguyễn Thị Q – sinh năm 1958 (Có mặt)

10/ Bà Lê Thị Thúy H – sinh năm 1983 (Có đơn xin vắng mặt)

11/ Ông Lê Tấn T – sinh năm 1987 (Có đơn xin vắng mặt)

12/ Bà Đoàn Thị Mỹ H – sinh năm 1988 (Có đơn xin vắng mặt)

13/ Trẻ Lê Đoàn Tòng V – sinh năm 2011 do ông Lê Tấn T là người đại diện hợp pháp.

14/ Bà Lê Thị Thúy L – sinh năm 1991 (Có đơn xin vắng mặt)

15/ Ông Lê Tấn Đ – sinh năm 1979 (Có đơn xin vắng mặt)

16/ Trẻ Lê Thị Thúy A – sinh năm 2009 do bà Lê Thị Thúy L là người đại diện hợp pháp

Cùng địa chỉ: đường K, Phường C, quận B, Tp. HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Căn nhà số đường K, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản do ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị N tạo lập và được công nhận theo quyết định về việc hợp thức hoá việc mua bán chuyển nhượng nhà cửa số 751/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp 13/3/1991 đứng tên bà Phạm Thị N. Ông P và bà N có 04 người con gồm : ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1956, chết năm 2008), bà Nguyễn Thị Q - sinh năm 1958, ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1960 (đã tuyên bố chết theo quyết định số 579/2017/QĐDS-ST ngày 06/12/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình), bà Nguyễn Thị S - sinh năm 1965. Năm 2007 ông Nguyễn Văn P chết và năm 2009 bà Phạm Thị N chết không để lại di chúc.

Năm 2008 ông Nguyễn Văn H (là anh trai của bà S) chết không để lại di chúc, ông H có vợ là Đoàn Thị H và các con : Nguyễn Bá C, Nguyễn Thị Tuyết H, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị Ánh N và Nguyễn Bá L. Căn nhà đường K, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh hiện do gia đình bà Q và gia đình vợ con ông H sinh sống, sử dụng.

Do hoàn cảnh khó khăn và không bàn bạc, thương lượng được với gia đình bà H để bán căn nhà trên. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết phân chia tài sản thừa kế do cha mẹ để lại theo quy định pháp luật, Nguyên đơn xin nhận phần giá trị tài sản bằng tiền để đi nơi khác sinh sống. Trong thời gian sinh sống tại căn nhà trên bà S không có xây dựng, sửa chữa hay tu bổ gì. Bà S yêu cầu

chia di sản thừa kế làm 3 phần, cụ thể: bà Q nhận 1 phần, bà S nhận 1 phần, ông H 1 phần.

Bị đơn bà Đoàn Thị H do ông Nguyễn Bá C là người đại diện uỷ quyền trình bày : Căn nhà đường D, Phường C, quận B là do ông Nguyễn Văn H bỏ tiền ra mua và xây dựng nhưng để cho cha mẹ là bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Văn P đứng tên hợp thức hóa, gia đình Bị đơn sống tại căn nhà từ đó đến nay. Bà Q và bà S không có bất cứ đóng góp nào, ông H là con trai duy nhất trong gia đình nên nuôi dưỡng cha mẹ và tạo dựng nhà cửa, tuy nhiên Bị đơn không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc ông H mua và xây cất căn nhà trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá C (đồng thời là đại diện của ông L, bà H, bà N) trình bày : về nguồn gốc nhà và đất tại đường K, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản do bà nội là Phạm Thị N đứng tên theo quyết định về việc hợp thức hoá việc mua bán chuyển nhượng nhà cửa số 751/QĐUBND quận Tân Bình cấp ngày 13/3/1991 thì diện tích nhà đất chỉ có 52m², hiện trạng như hiện nay diện tích tăng thêm là do gia đình lấn chiếm, lấp ao phía sau mở rộng. Ông Nguyễn Văn H có vợ Đoàn Thị H nhưng không đăng ký kết hôn có các con : Nguyễn Bá C, Nguyễn Thị Tuyết H, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị Ánh N và Nguyễn Bá L. Năm 2008 ông H chết không để lại di chúc. Đề nghị Toà án khi phân chia di sản thừa kế cần xem xét tiền xây cất nhà, tiền thuê nhà đất, tiền thờ cúng ông bà để tính thêm cho phía gia đình ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S. Cha của bà là ông Nguyễn Văn P và mẹ là Phạm Thị N có 04 người con gồm: Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị S ngoài ra không có con riêng, con nuôi nào khác. Tài sản thừa kế mà bà N để lại là nhà và đất tại đường K, Phường C, quận B. Nay bà S khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần di sản của bà N thì bà đồng ý, bà xin được hưởng một phần. Thời gian bà sinh sống tại căn nhà trên bà không bỏ chi phí để xây dựng, cải tạo, sửa chữa do đó bà không có ý kiến yêu cầu gì khác. Do điều kiện hiện nay khó khăn, không ai có khả năng giữ nhà và thôi tiền cho các đồng thừa kế nên đề nghị Toà án xem xét chia theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Ngọc L trình bày: thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Bá C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Mỹ H là con dâu của bà Nguyễn thị Q về nguồn gốc căn nhà thì bà không rõ, thời gian sinh sống trong căn nhà bà không có bỏ chi phí cải tạo sửa chữa nên không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này. Đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật và bà xin vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Lê Thị Thuý L, ông Lê Tấn T, ông Lê Tấn Đ, bà Lê Thị Thuý H là các con của bà Q thống nhất trình bày: nguồn gốc nhà và đất tại đường D, Phường C, quận B do ông bà ngoại là ông P và bà N để lại, quá trình sinh sống tại ngôi nhà trên không có ai bỏ chi phí sửa chữa hay cải tạo lại nên không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này. Đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật và có đơn xin vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Ánh N trình bày : thống nhất ý kiến với Bị đơn bà Đoàn Thị H, đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật và có đơn xin vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, tại các biên bản hoà giải các bên đương sự thống nhất thoả thuận gia đình sẽ tự bán tài sản để chia thừa kế, tuy nhiên các bên không thực hiện được.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Toà án giải quyết chia di sản thừa kế là nhà và đất tại đường K, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật, yêu cầu phát mãi tài sản để chia theo quy định vì không ai có khả năng thối tiền, yêu cầu chia di sản thừa kế theo biên bản định giá ngày 28/3/2019, bà không yêu cầu phần giá trị xây dựng 567.341.964 đồng mà đồng ý giao lại cho Bị đơn, yêu cầu Toà án căn cứ vào giá trị đất là 6.540.000.000 đồng chia làm 3 phần.

Người đại diện theo uỷ quyền của Bị đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Bá C trình bày: thống nhất với giá trị tài sản đã định là 7.107.341.964 đồng, đề nghị Toà án căn cứ giá trị đã định giá để giải quyết. Về yêu cầu của Nguyên đơn, phía Bị đơn chỉ chấp nhận một phần, yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế làm 4 phần, cụ thể : bà Q 1 phần, bà S 1 phần, ông H 01 phần và 01 phần (tiền xây cất nhà, tiền thuế nhà đất, tiền thờ cúng ông bà) tính thêm cho phía gia đình ông H. Do không có khả năng để giữ lại tài sản và thối phần giá trị cho các đồng thừa kế nên đề nghị Toà án phát mãi tài sản là căn nhà để chia thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q trình bày : thống nhất với ý kiến yêu cầu của Nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Ngọc L trình bày: thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Bá C.

Các bên đương sự thống nhất đề nghị tạm ngừng phiên toà để họ tự hoà giải, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 259 Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên toà.

Tại phiên toà ngày 11 tháng 11 năm 2020

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày : do các đồng thừa kế không tự thỏa thuận được với nhau về việc tự bán tài sản để phân chia nên bà yêu cầu Toà án tiếp tục giải quyết, cụ thể bà đồng ý giao phần giá trị xây cất nhà mà bà được hưởng cho phía Bị đơn cam kết không tranh chấp. Yêu cầu phát mãi tài sản thừa kế để chia theo quy định của pháp luật, vì không ai có khả năng thối tiền. Yêu cầu Toà án căn cứ vào giá trị đất là 6.540.000.000 đồng chia làm 3 phần, cụ thể : Bà S 1 phần, bà Q 1 phần, ông H 1 phần (do các con ông H hưởng).

Bị đơn bà Đoàn Thị H do ông Nguyễn Bá C là người đại diện uỷ quyền trình bày: thống nhất ý kiến trình bày của Nguyên đơn về hàng thừa kế, di sản thừa kế của ông P và bà N để lại. Thống nhất với giá trị tài sản như biên bản của Hội đồng định giá đã định, đồng ý chia giá trị đất làm 3 phần như Nguyên đơn trình bày, không đồng ý chia phần giá trị xây cất căn nhà vì xem xét công sức của

gia đình ông H. Do không có khả năng thối tiền cho các đồng thừa kế nên đề nghị phát mãi tài sản để chia theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q trình bày : thống nhất với ý kiến yêu cầu của Nguyên đơn, đồng ý giao giá trị xây cất nhà mà bà được hưởng cho phía Bị đơn và cam kết không tranh chấp. Yêu cầu Tòa án căn cứ vào giá trị đất là 6.540.000.000 đồng chia làm 3 phần, cụ thể : Bà S 1 phần, bà Q 1 phần, ông H 1 phần (do các con ông H hưởng) đề nghị phát mãi tài sản để chia theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Ngọc L thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Bá C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng T cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn : xác định nhà và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại đường K, Phường C, quận B là di sản của bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Văn P. Do ông P, bà N chết không để lại di chúc nên việc thừa kế thực hiện theo pháp luật quy định tại Điều 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự, hàng thừa kế thứ nhất của bà N là : ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị S. Về thừa kế thế vị : Do ông Nguyễn Văn H chết trước bà N nên phát sinh thừa kế thế vị theo Điều 652 Bộ luật Dân sự. Ông H có 05 người con gồm: Nguyễn Bá C, Nguyễn Thị Tuyết H, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị Ánh N, Nguyễn Bá L được thừa kế thế vị phần tài sản của ông H. Tại phiên tòa bà S bà Q đồng ý giao giá trị phần xây cất nhà cho Bị đơn, không yêu cầu chia và cam kết không tranh chấp đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Các bên đương sự thống nhất kết quả định giá, yêu cầu làm căn cứ để phân chia di sản làm 3 phần, yêu cầu phát mãi tài sản để chia do không ai có khả năng thối tiền để nhận tài sản đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, chia tài sản thừa kế là nhà và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại đường K, Phường C, quận B làm 3 phần, cụ thể bà Q, bà S và ông H (do các con ông H nhận); giao phần giá trị xây cất căn nhà cho Bị đơn do các bên đã thống nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S có đơn khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản là căn nhà đường K, Phường C, quận B, Thành phố

Hồ Chí Minh. Bị đơn cư trú tại quận Tân Bình và đôi Tợng tranh chấp là bất động sản tọa lạc nơi Tòa án có bất động sản. Căn cứ khoản 5 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý và giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

- Về thời hiệu khởi kiện : Căn cứ vào giấy chứng tử do Ủy ban nhân dân Phường C, quận B cấp thể hiện ông Nguyễn Văn P chết năm 2007 và bà Phạm Thị N chết năm 2009. Ngày 08/7/2013, bà Nguyễn Thị S nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế căn nhà số đường K, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S có mặt, đại diện theo uỷ quyền của Bị đơn ông Nguyễn Bá C có mặt, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q và bà Dương Thị N L có mặt; ông Nguyễn Bá C đại diện theo uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Tuyết H, Bà Nguyễn Thị Tuyết N, ông Nguyễn Bá L có mặt.

Các ông bà : Nguyễn Thị Ánh N, L Thị Thuý H, L Tấn Tài (đại diện hợp pháp của trẻ Lê Đoàn Tợng V), Đoàn Thị Mỹ H, Lê Thị Thuý L (đại diện hợp pháp của trẻ Lê Thị Thuý A), Lê Tấn Đ có đơn xin vắng mặt. Do đó căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và “Tờ khai gia đình” năm 1974 do bà Phạm Thị N là gia trưởng thì nhà đường T, xã P, quận B gồm các nhân khẩu sau: Gia trưởng Phạm Thị N, sinh năm 1937; Nguyễn Văn P, sinh năm 1925; Nguyễn Văn H, sinh năm 1956; Nguyễn Thị Q, sinh năm 1958; Nguyễn Văn T, sinh năm 1960; Nguyễn Thị S, sinh năm 1965. Các ông bà : H, Q, T, S quan hệ với gia trưởng là “con”. Như vậy đủ cơ sở xác định ông P bà N có 04 người con : Nguyễn Văn H (chết năm 2008), Nguyễn Thị Q, Nguyễn Văn T (bị tuyên bố chết theo quyết định số 579/2017/QĐDS-ST ngày 06/12/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình) và Nguyễn Thị S.

Các bên đương sự thống nhất trình bày ông P và bà N không có con riêng, không có con nuôi, ông bà chết không để lại di chúc, không còn tài sản nào khác ngoài nhà và đất tại đường K, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, không ai phải thực hiện nghĩa vụ do ông P bà N để lại. Do ông bà chết không có di chúc nên việc thừa kế thực hiện theo pháp luật quy định tại các Điều 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự, hàng thừa kế thứ nhất của ông P, bà N là : ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị S.

Về thừa kế thế vị : Do ông Nguyễn Văn H chết trước bà N nên phát sinh thừa kế thế vị theo Điều 652 Bộ luật Dân sự. Ông H có 05 người con gồm: Nguyễn Bá C, Nguyễn Thị Tuyết H, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị Ánh N, Nguyễn Bá L được thừa kế thế vị phần tài sản của ông H.

Căn cứ vào quyết định V/v hợp thức hoá việc mua bán chuyển nhượng nhà cửa số 751/QĐ-UB ngày 13/3/1991 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp cho bà Phạm Thị N và tờ đăng ký nhà - đất năm 1999 thì nhà và đất tại đường D, Phường C, quận B có diện tích 52m², loại nhà trệt, cấu trúc : tôn, lá, đất.

Theo kết quả đo đạc của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản ngày 28/3/2019 thể hiện căn nhà đường K, Phường C, quận B có diện tích đất thực tế là 109m². Như vậy, diện tích đất và kết cấu nhà ở trong Quyết định 751/QĐ-UB ngày 13/3/1991 và trên thực tế là khác nhau. Theo văn bản số 2002/CNTB ngày 14/10/2020 *“Căn nhà số đường K, Phường C, quận B phần diện tích chênh lệch tăng, được xem xét cấp giấy chứng nhận dựa trên quy hoạch đã được duyệt và xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường C về nguồn gốc, thời điểm sử dụng, có lấn chiếm, có tranh chấp hay không đối với phần diện tích tăng theo hiện trạng thực tế hiện nay; phần diện tích xây dựng, quy mô và diện tích sàn xây dựng tăng được xem xét cấp giấy chứng nhận dựa trên xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường C về thời điểm xây dựng không phép và kết quả xử lý vi phạm của Phòng quản lý đô thị về hành vi xây dựng không phép, sai phép”*.

Các đương sự đều thống nhất với diện tích này, quá trình quản lý sử dụng đến nay không có xảy ra tranh chấp với các hộ liền kề. Do đó để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự trong vụ án cần căn cứ vào diện tích đo đạc thực tế để chia thừa kế theo pháp luật cho những người thừa kế là phù hợp.

Như vậy, có cơ sở xác định nhà và đất tại đường K, Phường C, quận B là di sản của ông P và bà N để lại, Nguyên đơn yêu cầu chia tài sản thừa kế theo quy định pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất chia di sản thừa kế làm 3 phần bằng nhau mỗi người nhận 1/3 giá trị tài sản gồm ông H (do các con nhận), bà Q, bà S và không ai có ý kiến khác, thống nhất giá trị căn nhà số đường K, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là 7.107.341.964 đồng theo biên bản định giá tài sản do Tòa án nhân dân quận Tân Bình lập ngày 28/3/2019, Hội đồng xét xử căn cứ vào giá trị tài sản để giải quyết.

Xét Bị đơn yêu cầu xem xét phần giá trị tiền xây cất nhà, tiền thuê nhà đất, tiền thờ cúng ông bà tính thêm vào phần của ông H được hưởng, tuy nhiên phía bị đơn không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Phía Nguyên đơn là bà S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Q đồng ý giao phần giá trị xây dựng căn nhà mà bà được hưởng cho phía Bị đơn, không yêu cầu chia và cam kết không tranh chấp là sự tự nguyện và phù hợp với quy định với pháp luật và các con của ông H cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do vậy xác định tài sản thừa kế là giá trị đất tại đường K, Phường C, quận B phải chia theo biên bản định giá là 6.540.000.000 đồng được chia đều cho bà Q, bà S, ông H mỗi người nhận một suất thừa kế bằng nhau và bằng 1/3 giá trị tương đương số tiền 2.180.000.000 đồng (6.540.000.000 đồng : 3 = 2.180.000.000 đồng) tại thời điểm tuyên án.

Người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn H gồm : ông Nguyễn Bá C, bà Nguyễn Thị Tuyết H, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị Ánh N, Nguyễn Bá L mỗi người được nhận 1/5 suất thừa kế của ông H, cụ thể : $2.180.000.000 : 5 = 436.000.000$ (Bốn trăm ba mươi sáu triệu) đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thừa nhận không có ai bỏ chi phí tôn tạo, sửa chữa thêm đối với căn nhà, cũng như không có tài liệu chứng cứ chứng minh, không ai có ý kiến yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Các đương sự phải chịu án phí trên giá trị di sản được hưởng.

[5] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 4.000.000 (Bốn triệu) đồng Nguyên đơn đã nộp và tự nguyên chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 623, 649, 650, 651, 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Pháp lệnh án phí lệ phí số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S:

Xác định nhà và đất tại số đường K, Phường C, quận B, Tp. HCM theo quyết định về việc hợp thức hoá việc mua bán chuyển nhượng nhà cửa số 751/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp ngày 13/3/1991 thuộc quyền sở hữu của Nguyễn Thị N; theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/01/2019 và theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/3/2019 có giá trị là 7.107.341.964 (Bảy tỷ một trăm lẻ bảy triệu ba trăm bốn mươi một ngàn chín trăm sáu mươi bốn) đồng là di sản của ông P và bà N để lại.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị N là: ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị S.

Xác định thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn H là : Nguyễn Bá C, Nguyễn Thị Tuyết H, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị Ánh N, Nguyễn Bá L.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Q và các con của ông H đồng ý giao phần giá trị xây dựng căn nhà cho Bị đơn bà Đoàn Thị H và cam kết không tranh chấp. Bà Đoàn Thị H được nhận giá trị xây dựng căn nhà theo biên bản định giá là 567.341.964 đồng (tại thời điểm tuyên án).

Xác định tài sản thừa kế là giá trị đất phải chia là 6.540.000.000 (Sáu tỷ năm trăm bốn mươi triệu) đồng. Bà Nguyễn Thị Q và bà Nguyễn Thị S mỗi người được hưởng một suất thừa kế Tổng đương với số tiền là 2.180.000.000 (Hai tỷ một trăm tám mươi triệu) đồng.

Người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn H gồm : ông Nguyễn Bá C, bà Nguyễn Thị Tuyết H, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị Ánh N, Nguyễn Bá L mỗi người được nhận $\frac{1}{5}$ suất thừa kế của ông H, cụ thể: $2.180.000.000 : 5 = 436.000.000$ (Bốn trăm ba mươi sáu triệu) đồng

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản chia, giá trị tài sản phát mãi sau khi trừ giá trị xây cất nhà do phía Bị đơn được hưởng và các chi phí cho việc thi hành án số tiền còn lại được chia cho bà S, bà Q, ông H (do người thừa kế thế vị của ông H nhận) mỗi người $\frac{1}{3}$ giá trị tài sản còn lại.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị S phải chịu số tiền án phí sơ thẩm 75.600.000 (Bảy mươi lăm triệu sáu trăm ngàn) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 05227 ngày 05/8/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị S còn phải nộp thêm số tiền 63.600.000 (Sáu mươi ba triệu sáu trăm ngàn) đồng.

- Bà Nguyễn Thị Q phải chịu số tiền án phí sơ thẩm 75.600.000 (Bảy mươi lăm triệu sáu trăm ngàn) đồng.

- Ông Nguyễn Bá C, bà Nguyễn Thị Ánh N, bà Nguyễn Thị Tuyết H, bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Nguyễn Bá L mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.440.000 (Hai mươi một triệu bốn trăm bốn mươi) đồng.

- Bà Đoàn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm là 26.693.679 (Hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ba ngàn sáu trăm bảy mươi chín) đồng.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.000.000 (Bốn triệu) đồng, Nguyên đơn đã nộp đủ và tự nguyện chịu.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được Tòa án niêm yết hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND QTB;
- CCTHADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Tâm